

Bản tin chứng khoán

Trong số này

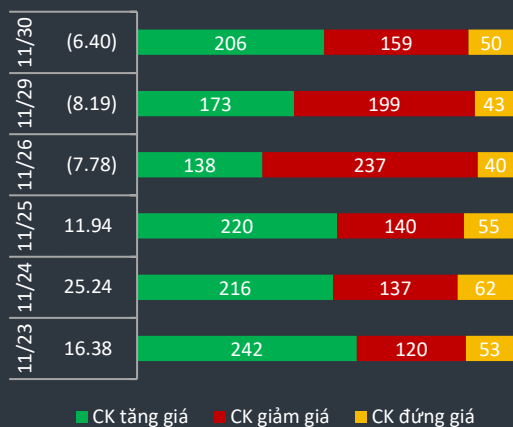
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	125.07
VCI	49.14
DGC	46.26
DIG	44.92
DPM	44.12
BID	32.45
KDH	29.95
PDR	28.93
HDB	(52.11)
TCH	(57.98)
VIQ(106.33)	
MSN(106.79)	
SSI(109.03)	
HPG	(118.77)

Thị trường phiên hôm trước rung lắc khá mạnh theo xu hướng chung của toàn cầu lo ngại về biến chủng mới Omicron. Tuy nhiên cũng thấy rằng động lực thị trường vẫn khá mạnh với dòng tiền bất đáy đủ lớn đã giúp chỉ số Index dù giảm nhưng vẫn cách khá xa so với mức sâu nhất trong ngày. Tâm lý giao dịch trong phiên sáng nay càng củng cố hơn với việc mở đầu giao dịch đầy lạc quan khi chỉ số Vnindex vọt lên hơn 10 điểm. Cổ phiếu ngân hàng là động lực chính thúc đẩy chỉ số index nhưng cuối cùng cũng góp phần vào cú đảo chiều cuối phiên. Các cổ phiếu lớn như VCB, VPB, TCB,...chỉ duy trì được sắc xanh trong buổi sáng sau đó bị bán mạnh theo thị trường vào buổi chiều. Dù không giảm sâu nhưng VCB cũng mất -2,2%, VPB giảm -1,8% và CTG giảm -2%,...VIB có lúc giảm kịch sàn xuống 40.600 đồng/cp. Đến cuối phiên, mức giảm được thu hẹp còn -3,3%. Chỉ duy nhất 2 mã ngân hàng tăng giá trong phiên là NVB (tăng 2,7%) và PGB (tăng 1,9%). STB và CTG là những cổ phiếu ngân hàng được khối ngoại mua ròng, đạt gần 900k cp và 600k cp. Ngược lại, SHB và OCB bị bán ròng hơn 3,2 triệu cp và 1,6 triệu cp. OCB trong ngày cũng xanh nhẹ lên 30 đầu phiên sau đó điều chỉnh -5,4% về 27.9. Thanh khoản trong ngày của OCB lên đến gần 14 triệu cổ phiếu.

Nhóm VN30 chỉ có 7 mã xanh so với 23 mã còn lại mất điểm. GVR tăng tốt nhất 5.4%. GVR là đại diện nhóm bất động sản khu công nghiệp nổi sừng mạnh trong ngày. Nhiều cổ phiếu khu công nghiệp tăng trên 4% trong ngày như SZC, GVR, PHR, TID, LHG. Nhóm bất động sản nhiều cổ phiếu cũng hút dòng tiền tốt như DXG, ITC, HAR, SCR, TDH, D2D.

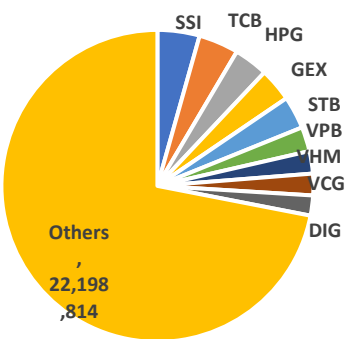
Các nhóm ngành khác như phân bón diễn biến vẫn tích cực và nếu thị trường thuận lợi hơn cuối phiên có thể nhiều cổ phiếu như DPM, DCM có thể lên sát giá trần. Cổ phiếu thép giữ giá xanh tốt ở nhóm trụ như HPG, HSG, NKG tăng trên 1%.

Khối ngoại trong ngày bán ròng gần 600 tỷ đồng trong đó HPG, SSI, MSN, VIC là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Riêng VHM trong ngày được mua ròng 125 tỷ, VCI, DGC, DIG, DPM mua ròng mỗi mã hơn 40 tỷ đồng.

Vnindex 1,478.44
▼ -6.4 (-0.43%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GVR	38.8	2,000	5.43
REE	70.5	1,500	2.17
HPG	49.0	550	1.14
BCM	53.7	600	1.13
SSI	55.9	600	1.08
MWG	138.9	1,400	1.02
POW	13.5	50	0.37
VNM	87.6	100	0.11
NVL	110.0	(200)	(0.18)
PNJ	97.9	(200)	(0.20)
BID	44.4	(100)	(0.22)
VHM	84.6	(200)	(0.24)
VIC	105.0	(300)	(0.28)
PDR	93.6	(400)	(0.43)
HVN	23.0	(150)	(0.65)
DHG	103.0	(900)	(0.87)
TCB	51.8	(500)	(0.96)
FPT	97.1	(1,000)	(1.02)
GAS	98.3	(1,100)	(1.11)
VRE	29.8	(350)	(1.16)
SAB	154.0	(2,100)	(1.35)
PLX	54.1	(800)	(1.46)
BVH	61.0	(1,000)	(1.61)
VPB	37.7	(700)	(1.82)
VJC	122.5	(2,500)	(2.00)
CTG	33.6	(700)	(2.04)
MSN	149.2	(3,300)	(2.16)
VCB	98.9	(2,200)	(2.18)
ACB	33.3	(850)	(2.49)
MBB	29.0	(800)	(2.68)
HDB	30.5	(1,000)	(3.17)
VIB	42.2	(1,450)	(3.32)
STB	28.9	(1,000)	(3.34)
TPB	45.1	(2,100)	(4.45)



Thị trường đảo chiều vào cuối phiên nhưng chỉ số Vnindex chỉ mất nhẹ -6%, độ rộng thị trường vẫn cân bằng với số mã tăng và giảm tương đương nhau. Thanh khoản vẫn ở mức cao riêng sàn HOSE đạt trên 34 ngàn tỷ. Dòng tiền vẫn tập trung xoay quanh các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, bất động sản và thêm một số cổ phiếu các nhóm phân đạm, thép. Nhà đầu tư tiếp tục tận dụng các phiên giảm để tích lũy cổ phiếu và chốt lãi dần khi giá chạm mục tiêu ngắn hạn. Các cổ phiếu đang có động lực tốt hiện tại tiếp tục nắm giữ: OCB, GVR, SSI, HPG, GEX, SZC, DPM, DCM.

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, TCM, ACB, STB, VPB, TPB.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	51.8	(1.5)	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	-5.8%
DPM	50.4	2.2	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	2.9%
DCM	38.0	2.7	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	4.1%
HSG	39.6	1.2	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	2.9%
TCM	76.0	(7.4)	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	18.8%
PET	30.1	(2.0)	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	7.5%
LCG	22.0	21.5	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	57.1%
DPR	80.0	1.4	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	19.4%
GVR	38.8	3.5	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	32.0%
HCM	49.0	5.4	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	44.1%
VCI	79.8	6.1	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	62.9%
SSI	55.9	7.5	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	69.4%
MBB	29.0	0.3	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	0.0%
OCB	27.9	(0.4)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	21.3%
HPG	49.0	(1.2)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	8.9%
DGW	129.0	(4.1)	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	158.0%
REE	73.0	5.7	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(10.7)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

ITC	6.86
DXG	6.86
HAG	6.88
TNT	6.90
SVT	6.91
JVC	6.92
CTD	6.95
TCD	6.95
VGC	6.97
YBM	7.00
YBM	7.00
KSH	10.34

Top tăng giá HNX

AMV	9.22
VHE	9.26
ICG	9.49
V12	9.64
L43	9.68
IVS	9.69
PPP	9.76
VMC	9.77
HUT	9.87
LDP	9.87
VC9	9.93
VIT	9.94
KVC	10.00
VTV	10.00
DID	14.84

API - CTCP Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương – Đã thông qua việc phát hành 1,8 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý IV/2021 – quý I/2022.

BCM - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Công ty dự kiến thành lập Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC - Block 71 với vốn điều lệ 2 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Becamex sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ tại công ty con.

TFC - CTCP Trang - Ngày 29/11, HĐQT đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức dự kiến vào 14/12/2021 và thanh toán từ 27/12/2021.

KDH - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền - Đã thông qua kế hoạch mua lại một phần trái phiếu đã phát hành năm 2021 theo thông báo ngày 11/10/2021 của Vietnam Debt Fund SPC (người sở hữu trái phiếu).

HCM - CTCP Chứng khoán TP.HCM - Ngày 06/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 07/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 06/1/2022.

HTN - CTCP Hưng Thịnh Incons - Ngày 06/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 07/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:80 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 80 cổ phiếu), tương đương HTN sẽ phát hành thêm hơn 39,6 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

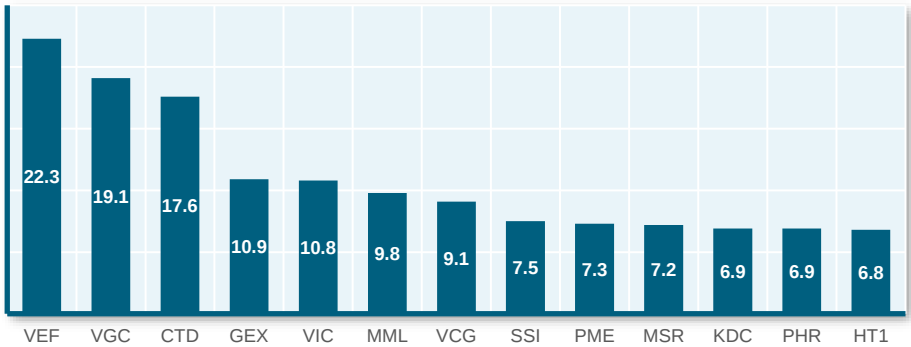
TLD - CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Thăng Long – Đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100 -7 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 7 cổ phiếu). Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 10/12/2021.

THI - CTCP Thiết bị điện - Ngày 29/11, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc dừng chào mua công khai cổ phiếu của Tổng CTCP Thiết bị điện Đông Anh. Cùng ngày, THI thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 17/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 06/1/2022.

TIX - CTCP Tanimex – Đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ 1,8 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Dịch vụ Giáo dục Đức Nhân, với giá bán tối thiểu 11.800 đồng/cổ phần.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	37.7	20,488,900	7.5	1.5	-	37,700	167,594	18.38	5,056	24,447
VIB	HOSE	42.2	5,081,000	7.5	3.1	17,500	2,200	65,543	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.9	1,336,500	17.9	3.5	263,500	267,900	366,808	23.65	5,532	28,293
VBB	HNX	18.5	174,879	22.3	1.6	-	-	8,837	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	18.3	1,707,144	15.3	1.3	-	-	8,143	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	45.1	6,316,500	9.9	2.4	66,300	104,700	52,842	29.53	4,565	18,925
TCB	HOSE	51.8	24,494,700	11.2	2.2	-	-	181,865	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.9	35,420,000	15.0	1.7	1,332,800	456,200	54,483	17.24	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.6	1,579,000	23.0	3.2	9,800	19,000	53,163	0.03	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.5	17,708,900	10.8	1.7	43,900	3,274,100	50,013	3.63	2,183	14,014
SGB	HNX	18.7	426,358		1.5	-	-	5,760	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	37.2	552,217	50.3	2.7	-	-	11,160	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.9	13,930,900	7.3	1.6	58,500	792,800	38,220	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.9	424,413	145.9	2.8	-	9,400	12,163	8.37	205	10,726
NAB	HOSE	23.1	959,778	6.9	1.4	2,000	-	10,544	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	26.0	14,855,000	7.9	1.5	-	300	39,715	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	29.0	20,624,000	7.4	1.5	402,700	401,600	109,571	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.4	18,116,300	8.6	1.5	56,100	124,600	26,960	3.98	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.6	239,306	11.6	1.7	-	-	8,531	0.02	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.5	8,085,900	7.9	1.8	207,300	1,891,240	60,762	17.48	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.4	951,000	31.4	1.9	20,100	34,200	33,686	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	33.6	11,067,800	7.6	1.3	1,249,500	631,100	161,233	25.22	4,394	25,028
BVB	HOSE	23.8	6,510,453	20.6	1.9	4,500	-	8,737	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.4	2,542,100	17.7	2.1	841,500	115,600	178,578	16.70	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.3	84,482	24.5	1.9	-	-	17,548	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.3	6,145,400	7.2	2.2	-	-	89,975	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.2	4,849,477	7.9	1.3	-	-	12,683	30.00	2,801	16,671
224,672,407				19.66	1.96	4,576,000	8,162,640	1,835,118		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VSI	HOSE	14/12/2021	15/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SHI	HOSE	10/12/2021	13/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	MSH	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	QPH	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	ASP	HOSE	8/12/2021	9/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BCG	HOSE	6/12/2021	7/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 12,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	GND	UPCoM	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HPP	UPCoM	2/12/2021	3/12/2021	20/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SEB	HNX	2/12/2021	3/12/2021	16/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SBM	UPCoM	1/12/2021	2/12/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	TNW	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 570 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	IHK	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TCD	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	MA1	UPCoM	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	KDC	HOSE	30/11/2021	1/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
22	QTC	HNX	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SEP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931